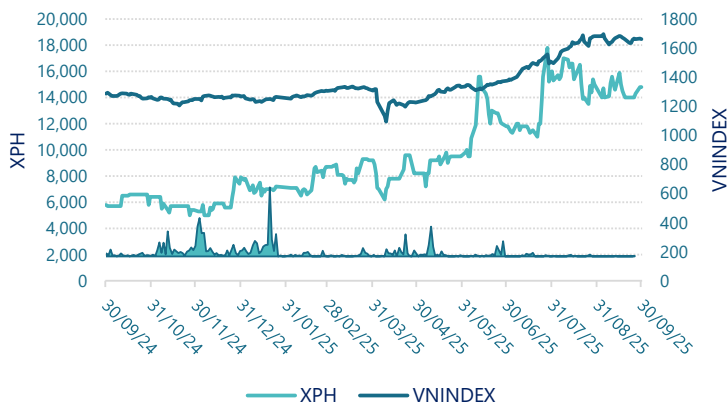




CTCP Xà phòng Hà Nội (UPCOM: XPH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
SL cổ phiếu LH	12,972,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,505
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
P/E	-112.2
EPS	-132

DT thuần

Q3/25

26.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.3| -48.2%

YoY: ▲ 15.9| 156%

LN sau thuế

Q3/25

-1.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.87| -127%

YoY: ▲ 0.10| 8.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-3.9%

+/- YoY: ▲ 7.2%

DT thuần

9T 2025

83.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.6| 207%

LN sau thuế

9T 2025

0.74

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.50| 116%

ROE

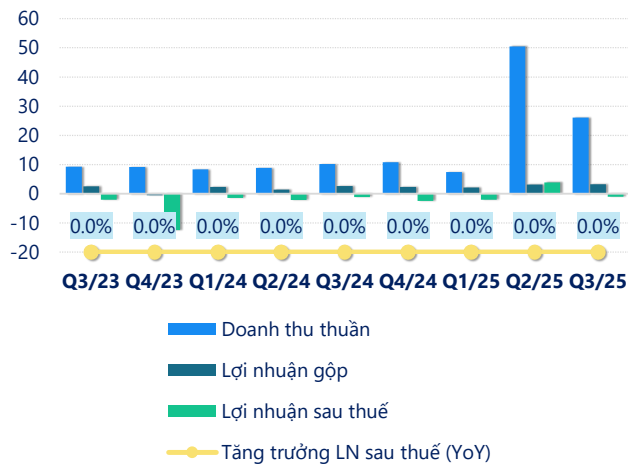
Q3/25

-1.2%

+/- YoY: ▲ 9.9%

tỷ VNĐ

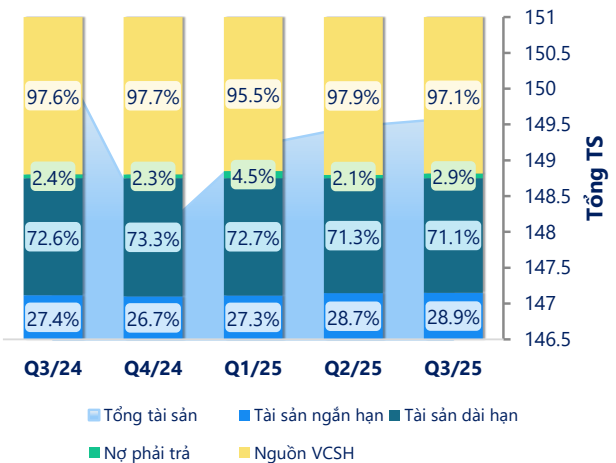
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

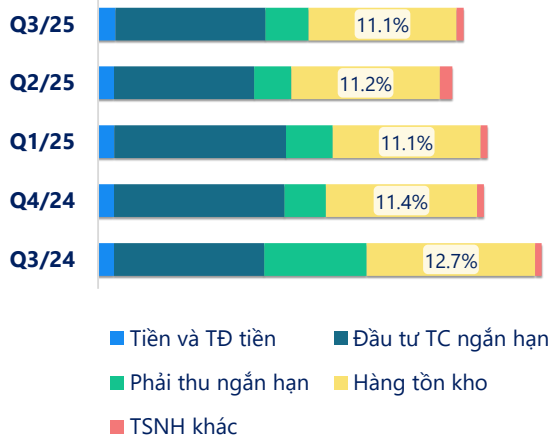
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



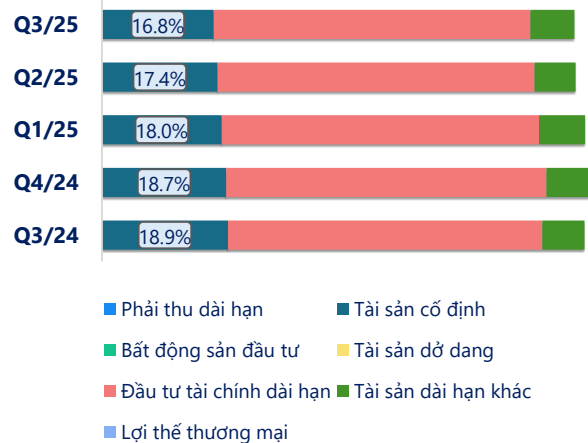
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

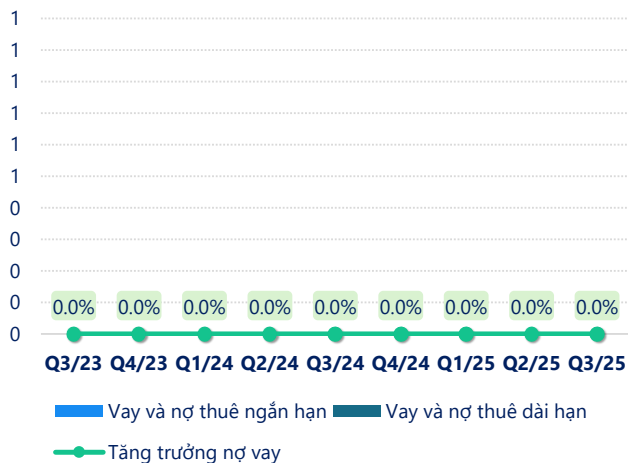
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

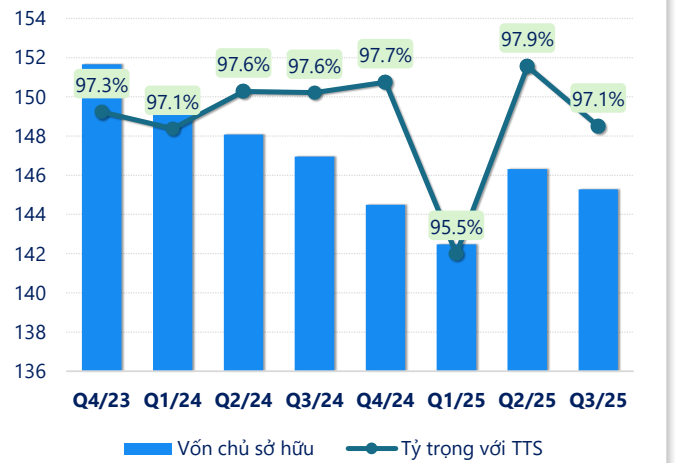
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

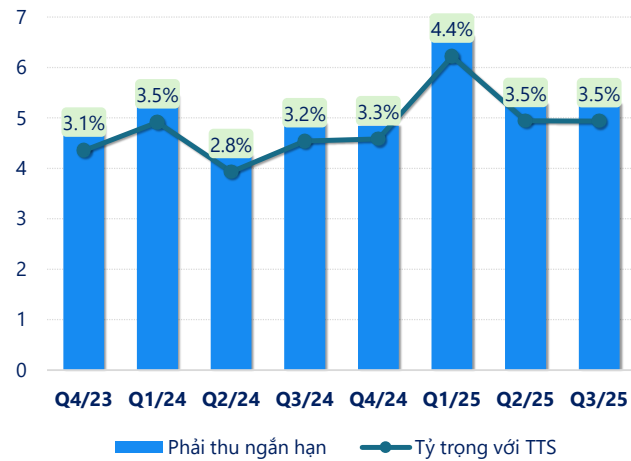
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



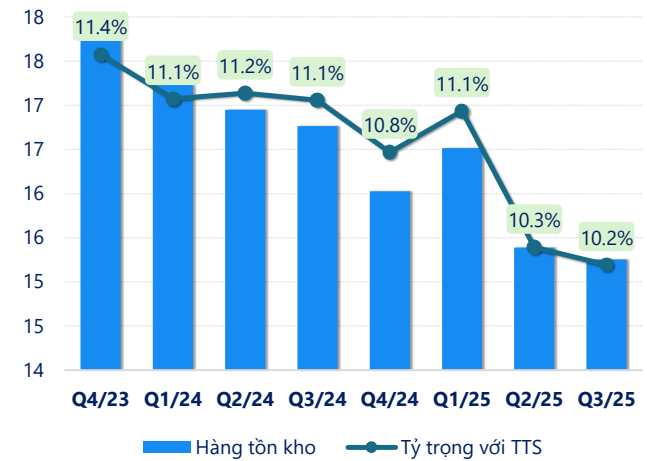
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


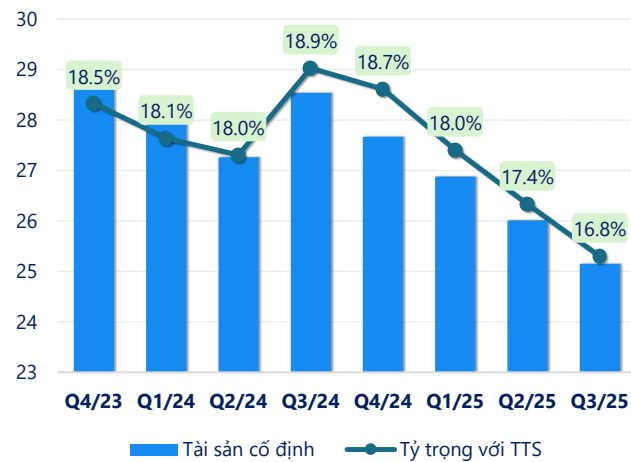
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


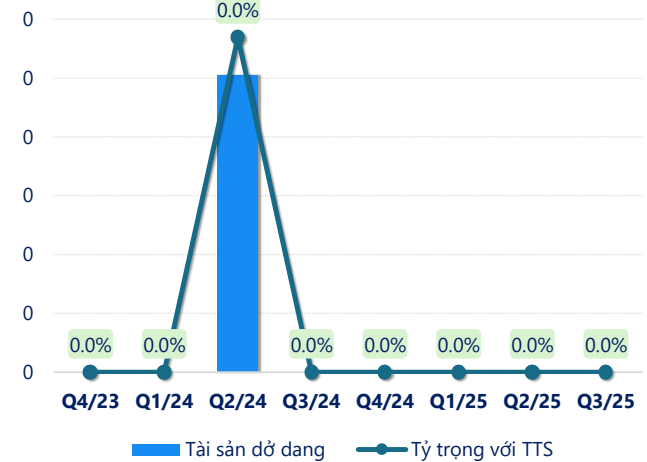
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

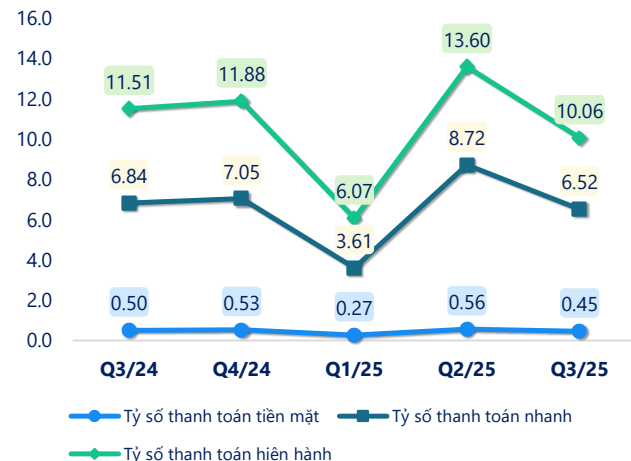
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

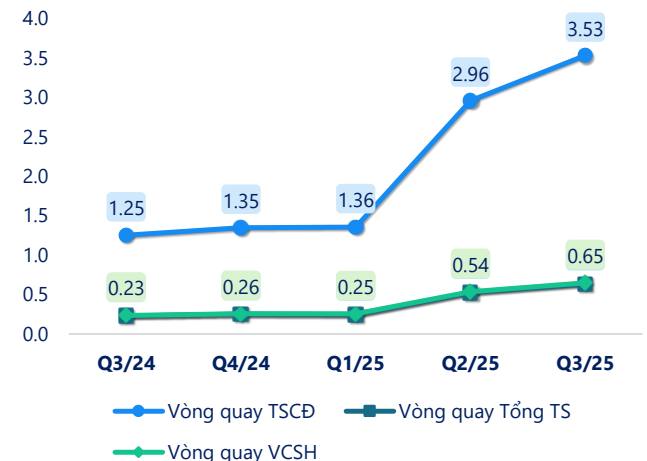
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	151	148	149	149	150
Tài sản ngắn hạn	41.3	39.4	40.7	42.9	43.3
Tiền và tương đương tiền	1.81	1.76	1.80	1.78	1.95
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.0	16.0	15.0	19.0	20.0
Phải thu ngắn hạn	4.89	4.84	6.63	5.28	5.28
Hàng tồn kho	16.8	16.0	16.5	15.4	15.3
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	0.81	0.81	1.48	0.81
Tài sản dài hạn	109	108	108	107	106
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	28.5	27.7	26.9	26.0	25.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	71.3	71.3	71.3	71.3	71.3
Tài sản dài hạn khác	9.58	9.56	10.3	9.28	9.90
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3.68	3.42	6.72	3.16	4.30
Nợ ngắn hạn	3.58	3.32	6.72	3.16	4.30
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.84	1.34	3.15	1.46	2.34
Nợ dài hạn	0.10	0.10	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	147	144	142	146	145
Vốn chủ sở hữu	147	144	142	146	145
Vốn điều lệ	130	130	130	130	130
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)